

Số: /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày tháng năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;*

*Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH BW Supply Chain City ngày 20 tháng 12 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 4163/TTr-CCBVMT ngày 25 tháng 12 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH BW Supply Chain City tại Khu Liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Giai đoạn 1 - Khu công nghiệp BW Supply Chain City tại phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của Cơ sở:**

1.1. Tên Cơ sở: Khu công nghiệp BW Supply Chain City

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701402986 do Sở Kế hoạch

và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 28 tháng 05 năm 2021. Giấy chứng nhận đầu tư số 3256067118 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương cấp chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 19 tháng 05 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 3701402986.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Đầu tư tạo lập công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng và các tiện ích để tiếp thị và thu hút các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm có hàm lượng chất xám cao, các viện nghiên cứu, công ty công nghệ, sản xuất thử kết hợp đào tạo chuyên gia cao cấp hay các công viên phần mềm, công viên sinh học, khoa học kỹ thuật gắn với sản xuất thử, dịch vụ công nghệ cao.

- Các ngành nghề thu hút vào khu công nghiệp phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam:

TT	Ngành nghề được phép thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	B091
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	B099
3	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	C21
4	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	C325
5	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	C2219
6	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	C329
7	Sản xuất sản phẩm từ plastic	C2220
8	Sản xuất đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan	C321
9	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	C323
10	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	C324
11	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	C2391
12	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	C2393
13	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	C2392
14	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	C2395

15	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	C2396
16	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C26
17	Sản xuất thiết bị điện	C27
18	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C28
19	Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn	C331
20	Bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	G463
21	Bán buôn đồ dùng gia đình	G464
22	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy	G465
23	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	H52
24	Bưu chính và chuyển phát	H53
25	Hoạt động xuất bản	J581
26	Xuất bản phần mềm	J582
27	Hoạt động điện ảnh và sản xuất chương trình truyền hình	J591
28	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	J592
29	Hoạt động viễn thông có dây	J6110
30	Hoạt động viễn thông không dây	J6120
31	Hoạt động viễn thông vệ tinh	J6130
32	Hoạt động viễn thông khác	J6190
33	Hoạt động của trụ sở văn phòng	M7010
34	Hoạt động tư vấn quản lý	M7020
35	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	N8211
36	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	N8220
37	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	N8230
38	Lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính	J62
39	Hoạt động dịch vụ thông tin	J63
40	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	M7110
41	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	M7120
42	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật	M721

43

Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

M722

1.6. Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư khu công nghiệp Mapletree Bình Dương (*nay là Khu công nghiệp BW Supply Chain City*) tại Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, thị xã Thủ Dầu Một (*nay là thành phố Thủ Dầu Một*), tỉnh Bình Dương; Công ty TNHH BW Supply đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất tiếp tục thực hiện Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư khu công nghiệp Mapletree Bình Dương tại Văn bản số 2991/STNMT-CCBVMT ngày 19 tháng 8 năm 2022.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

1.7.1 Phạm vi: Tổng diện tích đất khu công nghiệp: 748.759 m<sup>2</sup> (*theo Quyết định số 5139/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một về phê duyệt đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Khu công nghiệp BW Supply Chain City (tên cũ là Khu công nghiệp Mapletree)*), cụ thể:

STT	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ %
1	Đất dịch vụ	15.062,9	2,0
2	Đất công nghiệp	445.227,9	59,5
3	Đất hạ tầng kỹ thuật	12.314,3	1,6
4	Đất cây xanh	133.864	17,9
4.1	Đất cây xanh cách ly	25.264,1	3,4
4.2	Đất cây xanh KCN	108.599,9	14,5
5	Đất giao thông	142.289,9	19,0
<b>TỔNG</b>		<b>748.759,0</b>	<b>100</b>

- Tại thời điểm cấp Giấy phép môi trường: Khu công nghiệp đã hoàn thiện cơ sở hạ tầng giai đoạn 1 trên diện tích 354.773,3 m<sup>2</sup>, cụ thể:

- + Đất hành chính – dịch vụ: diện tích 5.283,9 m<sup>2</sup>.
- + Đất công nghiệp: 184.962,40 m<sup>2</sup>.
- + Đất hạ tầng kỹ thuật: 7.275,30 m<sup>2</sup>.
- + Đất cây xanh: diện tích 46.097,00 m<sup>2</sup>.

+ Đất giao thông: diện tích 111.154,70 m<sup>2</sup>.

#### 1.7.2. Quy mô, công suất

- Dự án nhóm A theo phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công.
- Dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH BW Supply Chain City:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH BW Supply Chain City có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **07 năm** (từ ngày.... tháng .... năm 2023 đến ngày..... tháng.....năm 2030).

Các giấy phép thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Khu công nghiệp BW Supply Chain City theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Công ty TNHH BW Supply Chain City;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Quản lý các KCN Bình Dương;
- UBND thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường Hòa Phú;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, Nhựt5.

**GIÁM ĐỐC**

**Ngô Quang Sự**

**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-STNMT ngày tháng năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải (Giai đoạn 1):**

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt hiện hữu phát sinh từ hoạt động của công nhân viên tại khu văn phòng với lưu lượng khoảng  $1,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

1.2. Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt hiện hữu phát sinh từ hoạt động của công nhân khu điều hành trạm xử lý nước thải với lưu lượng khoảng  $2,9 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

1.3. Nguồn số 03: Nước thải từ các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp với lưu lượng khoảng  $495,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh thoát nước chung dọc đường NT9 của Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị tỉnh Bình Dương (tại phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương), sau đó chảy vào suối Giữa và cuối cùng đổ vào sông Sài Gòn.

**2.2. Vị trí xả nước thải:**

- Kênh thoát nước chung dọc đường NT9 của Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Tọa độ vị trí xả nước thải:  $X = 1.223.435$ ;  $Y = 600.676$  (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi  $3^{\circ}$ ).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $500 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  (24 giờ).

**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải sau xử lý → Mương quan trắc → Tuyến cống thoát nước BTCT D300mm, dài 92 m của khu công nghiệp → Kênh thoát nước chung dọc đường NT9 của Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị tỉnh Bình Dương → Suối Giữa → Sông Sài Gòn.

- Hình thức xả: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 1,1$ ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	03 tháng/lần	Thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	Nhiệt độ	°C	40		
3	pH	-	6 - 9		
4	COD	mg/l	74,25		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	49,5		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,95		
7	Màu	Pt/Co	50		Không thuộc đối tượng
8	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	29,7		
9	Asen	mg/l	0,0495		
10	Thủy ngân	mg/l	0,00495		
11	Chì	mg/l	0,099		
12	Cadimi	mg/l	0,0495		
13	Crom (VI)	mg/l	0,0495		
14	Crom (III)	mg/l	0,198		
15	Đồng	mg/l	1,98		
16	Kẽm	mg/l	2,97		
17	Niken	mg/l	0,198		
18	Mangan	mg/l	0,495		
19	Sắt	mg/l	0,99		
20	Tổng xianua	mg/l	0,069		
21	Tổng phenol	mg/l	0,099		
22	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95		
23	Sunfua	mg/l	0,198		
24	Florua	mg/l	4,95		
25	Tổng nito	mg/l	19,8		



26	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,96	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
27	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	495		
28	Clo dư	mg/l	0,99		
29	Coliform	vi khuẩn/100ml	3.000		
30	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,1		
31	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1		
32	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,0495	01 năm/lần	
33	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,297		
34	Tổng PCB	mg/l	0,00297		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

#### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên khu điều hành trạm xử lý nước thải (*nước thải đen được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại và nước thải xám*) => Đường ống PVC D90mm, dài khoảng 50 m => Công trình xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên tại khu văn phòng (*nước thải đen được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại và nước thải xám*) => Đường ống PVC D90mm, dài khoảng 60 m => Cống BTCT D300mm – D400mm (*sử dụng sơn Epoxy để chống thấm*) dọc các tuyến đường giao thông với tổng chiều dài 6.091,42 m => Công trình xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

- Nguồn số 3: Nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp thành viên => Cống BTCT D300mm – D400mm (*sử dụng sơn Epoxy để chống thấm*) dọc các tuyến đường giao thông với tổng chiều dài 6.091,42 m (*bố trí 210 hố ga*) => Công trình xử lý nước

thải tập trung của khu công nghiệp.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải (giai đoạn 1):**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải => Bể thu gom => Thiết bị lọc rác tinh => Bể tách dầu mỡ => Bể xử lý sinh học theo mẻ SBR (*Châm mật rỉ*) => Bể trung gian (*Châm NaOH*) => Bể lắng => Bể khử trùng (*Châm Clorin*) => Mương quan trắc => Kênh thoát nước chung dọc đường NT9 của Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị tỉnh Bình Dương => Suối Giữa => Sông Sài Gòn.

- Công suất thiết kế: 500 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chất dinh dưỡng (*mật rỉ đường*), NaOH, Clorin .

### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục**

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Tại mương quan trắc nước thải sau xử lý.

- Thông số đã lắp đặt: Lưu lượng (*đầu vào và đầu ra*), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.

- Camera theo dõi: Camera quan sát các hạng mục công trình xử lý nước thải, camera quan sát mương quan trắc và camera quan sát thiết bị đo trong nhà trạm, tủ lấy mẫu tự động.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát; đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận kết nối truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục tại Văn bản số 3382/STNMT-CCBVMT ngày 14 tháng 8 năm 2023 với các thông số: Lưu lượng nước thải đầu ra, pH, TSS, COD. Yêu cầu bổ sung kết nối và truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường đối với thông số: Lưu lượng nước thải đầu vào, nhiệt độ và amoni.

### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát liên tục quá trình vận hành và có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải để kịp thời nhận biết các sự cố quá tải về lưu lượng.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong công trình xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc hoạt động ổn định.

- Các máy móc, thiết bị quan trọng được trang bị 01 bộ dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, máy thổi khí, ... để không làm gián đoạn quá trình xử lý khi một thiết bị hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của công trình xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với công trình xử lý nước thải.

- Kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào từ các doanh nghiệp thứ cấp, thường xuyên kiểm tra việc xả thải các doanh nghiệp thông qua các hố ga nước thải được đặt ngoài hàng rào của doanh nghiệp.

- Thiết lập giá trị cảnh báo sớm cho hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với các thông số ô nhiễm trong nước thải, thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo theo quy định.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của công trình xử lý bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong công trình xử lý thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của công trình, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của công trình xử lý. Trang bị các thiết bị dự phòng cho công trình xử lý như máy bơm, bơm định lượng.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành công trình xử lý theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Quy trình ứng phó sự cố: Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải hoặc hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố và phải dừng hoạt động, nước thải phát sinh được tuần hoàn về lại hố thu (*thể tích 179,3m<sup>3</sup>*), bể điều hòa (*thể tích 460,3m<sup>3</sup>*) và 02 bể xử lý sinh học (*thể tích mỗi bể 1.291m<sup>3</sup>*) trước đây đã xây dựng, hiện không sử dụng. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, cam kết không xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

- Báo ngay cho cơ quan nhà nước có chức năng các sự cố để được hỗ trợ và có biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp quá khả năng ứng phó của đơn vị.

#### ***1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung:***

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH	-	5,5-9
3	Màu, ở pH =7	Pt/Co	150
4	BOD <sub>5</sub>	mg/l	300

5	COD	mg/l	400
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	200
7	Arsenic	mg/l	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,01
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadmium	mg/l	0,1
11	Chromium (IV)	mg/l	0,1
12	Chromium (III)	mg/l	01
13	Đồng	mg/l	02
14	Kẽm	mg/l	03
15	Niken	mg/l	0,5
16	Mangan	mg/l	01
17	Sắt	mg/l	05
18	Xianua	mg/l	0,1
19	Phenol	mg/l	0,5
20	Dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21	Sunfua	mg/l	0,5
22	Florua	mg/l	10
23	Ammonia (tính theo Nito)	mg/l	80
24	Tổng Nito	mg/l	100
25	Tổng Photpho	mg/l	06
26	Clorua	mg/l	1000
27	Clo dư	mg/l	02
28	Coliform	MNP/100ml	5000
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
30	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	01
31	Tổng PCB	mg/l	0,01
32	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1,0

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của khu công nghiệp, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo phương án đầu nối, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của khu công nghiệp.

3.3. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.5. Thời hạn hoàn thành việc bổ sung đầy đủ các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục và kết nối, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương chậm nhất 31 tháng 12 năm 2024 theo quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Phụ lục 2**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2023  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực công trình xử lý nước thải tập trung (máy ép bùn, máy bơm, máy thổi khí).

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Tọa độ X = 1.223.588; Y = 600.658 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3<sup>0</sup>).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; trồng cây xanh trong khuôn viên cơ sở để hạn chế tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su,

không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

**Phụ lục 3****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2023  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Linh kiện, thiết bị điện tử, đèn led	16 01 13	NH	Rắn	5
2	Dầu nhớt thải	17 02 04	NH	Lỏng	5
3	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	NH	Rắn	25
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	KS	Bùn	9.700
5	Bao bì mềm thải	18 01 01	KS	Rắn	75
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa dính thành phần nguy hại	18 01 03	KS	Rắn	8
7	Giẻ lau, bao tay, bao nilon dính dầu nhớt, hóa chất	18 02 01	KS	Rắn	7
<b>TỔNG</b>					<b>9.825</b>

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn thông thường (từ chăm sóc cây xanh, từ các hoạt động tại khu vực văn phòng)	3.120
<b>TỔNG</b>		<b>3.120</b>



### **1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên tại Trạm xử lý nước thải, khu văn phòng bao gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (*bao nylon, vỏ lon, thủy tinh, giấy vụn,...*); chất thải thực phẩm (*rau quả, thực phẩm thừa,...*), chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý với khối lượng phát sinh khoảng 57,2 kg/ngày.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

**2.1.1. Thiết bị lưu chứa:** Trang bị 06 thùng chứa loại 120 lít có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để thu gom và bảo quản từng loại chất thải nguy hại và bao chứa loại 25kg để chứa bùn thải sau máy ép bùn.

#### **2.1.2. Kho lưu chứa:**

- Diện tích kho chứa: 30m<sup>2</sup>
- + Khu vực chứa bùn với diện tích khoảng 10m<sup>2</sup> (*khu vực máy ép bùn*).
- + Kho lưu chứa các loại chất thải nguy hại khác diện tích 20m<sup>2</sup> (*gần khu vực hệ thống xử lý nước thải*).

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (*như cát khô hoặc mùn cưa*);... theo quy định.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

**2.2.1. Thiết bị lưu chứa:** Trang bị 02 thùng chứa loại 120 lít, có nắp đậy.

**2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:** Bố trí trong khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Diện tích: 02 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Có nền bê tông chống thấm, có mái che.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 17 thùng chứa loại 60-120 lít, có nắp đậy, có bánh xe và nắp đậy. Thùng nhựa và bao bì chứa được để tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

### **2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại**

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy

định.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường Hòa Phú và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Hòa Phú về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Hòa Phú và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố Thủ Dầu Một để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học phải thực hiện.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG:**

- Tiếp tục hoàn thành hạ tầng kỹ thuật phân diện tích còn lại 393.985,7m<sup>2</sup> theo Quyết định số 5139/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một về phê duyệt đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Khu công nghiệp BW Supply Chain City, cụ thể: Xây mới 2 khu hành chính - dịch vụ (lô 2A và 2C) với diện tích 9.779 m<sup>2</sup>; Xây mới các nhà xưởng cho thuê tại các lô đất 3B-1, 3B-2, 4B-1, 4B-2, 4B-3, 4B-4, 1D-2 với diện tích 130.454,1 m<sup>2</sup>; xây mới kho thương mại điện tử (kho lưu chứa hàng hóa thương mại điện tử như: hàng tiêu dùng, mỹ phẩm, quần áo, đồ gia dụng, đồ điện tử, hàng mẹ và bé,...) với diện tích 129.811,4 m<sup>2</sup>; Xây mới khu hạ tầng kỹ thuật cho trạm điện hạ thế, thông tin liên lạc với diện tích 5.039 m<sup>2</sup>; Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng đường giao thông nội bộ Khu công nghiệp với diện tích 31.135,2 m<sup>2</sup>; Tiếp tục bổ sung đất cây xanh với diện tích 87.767 m<sup>2</sup>.

- Nâng cấp, cải tạo công trình xử lý nước thải tập trung với công suất thiết kế 1.000 m<sup>3</sup>/ngày khi lưu lượng nước thải phát sinh tại Khu công nghiệp BW Supply Chain City đạt 70% công suất xử lý của công trình xử lý nước thải hiện hữu (công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày), trong đó điều chỉnh chức năng các bể: điều chỉnh bể đệm trung gian thành bể Anoxic, điều chỉnh bể SBR-1 thành bể sinh học MBR, điều chỉnh bể SBR-2 và bể chứa bùn hiện hữu thành hồ sự cố với tổng thể tích là 1.758 m<sup>3</sup> và lắp đặt máy móc, thiết bị xử lý cho cụm bể hóa lý, bể lắng hóa lý đã xây dựng sẵn.

Quy trình công nghệ sau nâng cấp, cải tạo công trình xử lý nước thải tập trung: Nước thải => Hàm bơm => Lược rác tinh => Bể tách dầu mỡ => Bể điều hòa => Cụm bể hóa lý => Bể lắng hóa lý => Bể Anoxic => Bể sinh học MBR => Bể khử trùng => Mương quan trắc => Kênh thoát nước chung dọc đường NT9 của Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị tỉnh Bình Dương => Suối Giữa => Sông Sài Gòn.

- Thực hiện các biện pháp lưu giữ, xử lý nước thải của Khu công nghiệp đảm bảo nước thải phát sinh được xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường khi tiến hành nâng cấp, cải tạo công trình xử lý nước thải, cụ thể: Cải tạo bể SBR-2 và bể chứa bùn hiện hữu thành hồ sự cố (thể tích 1.758m<sup>3</sup>), sau đó tiến hành lưu nước tại hồ sự cố; đồng thời, chuyển đổi chức năng các bể xử lý (thời gian cải tạo

khoảng 03 ngày). Sau khi cải tạo, nâng cấp sẽ kết nối vận hành công trình xử lý nước thải.

- Thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng theo quy định của pháp luật. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực dự án trong quá trình thi công xây dựng. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án; đảm bảo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Sau khi hoàn thành các hạng mục trên, Công ty có trách nhiệm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

#### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương

2. Việc thu hút, sắp xếp, bố trí các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp theo ngành nghề thu hút đầu tư trong khu công nghiệp phải đảm bảo thực hiện theo đúng quy hoạch phân khu chức năng của khu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Bố trí ít nhất một nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc được đảm nhiệm.

4. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tổ chức thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường; phối hợp kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở trong khu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện cam kết về bảo vệ môi trường đối với chủ dự án đầu tư, cơ sở khi đăng ký đầu tư vào khu công nghiệp.

6. Phát biện kịp thời vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

7. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

8. Đảm bảo an toàn trong lưu trữ và sử dụng hóa chất theo quy định của Luật Hóa chất và các văn bản liên quan. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ,

công nhân viên làm việc của cơ sở.

9. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình thi công, hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý đất dư từ quá trình thi công hoàn thiện công trình nhà xưởng cho thuê.

10. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép, số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.